

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-PT

Ngày 18-04-2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất;
buộc tháo dỡ, di dời công trình
trên đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm.

Các Thẩm phán thành viên: Ông Lộc Sơn Thái;

Ông Vi Đức Trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 tháng 04 và ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2021/TLPT- DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất, buộc tháo dỡ, di dời công trình trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐ-PT ngày 20/01/2022; Thông báo chuyển ngày xét xử số 04/TB-TA ngày 14/02/2022; Thông báo chuyển ngày xét xử số 12/TB-TA ngày 01/03/2022; Thông báo chuyển ngày xét xử số 22/TB-TA ngày 23/03/2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn H, địa chỉ: Số nhà 256 đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Hồng N - Luật sư, Công ty TNHH MTV Luật Hoàng Gia, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ: số 194, Nguyễn Văn C, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt

- Bị đơn: Ông Vi Văn V (Vy Văn V), địa chỉ: Thôn M, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị T, luật sư, Văn phòng luật sư N, địa chỉ: 64, đường L, phường V, thành phố L, có mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hoàng Thị Quỳnh M, vắng mặt;

2. Chị Hoàng Nguyệt M, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 23, đường K, khối 9, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

3. Bà Chu Thị T, vắng mặt;

4. Bà Đinh Thị N, vắng mặt;

5. Anh Vi Văn T, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

6. Chị Vi Thị L, địa chỉ Thôn N, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

7. Chị Vi Thị Y, địa chỉ số 16, ngách H, phố M, phường T, thành phố L, vắng mặt .

Người đại diện hợp pháp của chị Vi Thị L, anh Vi Văn T, chị Vi Thị Y: Ông Vi Văn V (Vy Văn V), địa chỉ: Thôn M, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 07/9/2021), có mặt.

8. Chị Hoàng Thị Bích H- địa chỉ: Thôn M, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

9. Ủy ban nhân dân thành phố L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Hoàng D - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L (văn bản ủy quyền ngày 28/5/2021), vắng mặt.

10. Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị M, cán bộ địa chính xã M, thành phố L, vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Trần Văn L, địa chỉ: Thôn M, xã M, thành phố L, vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Vi Văn V là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Hoàng Văn H trình bày: Ông Hoàng Văn H theo bố mẹ về sinh sống tại thôn M, xã M, thành phố L từ năm 1982. Năm 1984 bố mẹ ông Hoàng Văn H xin Ủy ban nhân dân xã M được 01 khu đất ở thôn M, xã M,

thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để làm nhà ở. Thực hiện Luật Đất đai năm 2003, cơ quan chuyên môn đã đo đạc và chính quyền địa phương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, khi đo đạc theo sự thống nhất ranh giới của các gia đình liền kề, thửa đất của bố mẹ ông được đo đạc là thửa số 115, tờ bản đồ số 69 tại thôn M, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó anh trai ông Hoàng Phan S là người đi đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 400m² đất ở (ông Hoàng Phan S đã chết năm 2006). Hiện chị dâu ông Hoàng Văn H là bà Chu Thị T và các cháu đang sinh sống ở đây.

Sau khi kết hôn, đến năm 2003 vợ chồng ông Hoàng Văn H xây nhà cấp 4 để ở trên thửa đất, đến năm 2009 ông Hoàng Văn H cùng bà Chu Thị T chia tách quyền sử dụng đất từ thửa số 115, tờ bản đồ địa chính số 69 ra thành 02 thửa 342 và 343, ông H sử dụng thửa đất số 343, diện tích 204m². Ngày 14-5-2009 gia đình ông Hoàng Văn H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Cuối năm 2010 gia đình ông Hoàng Văn H chuyển đến phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn sinh sống và không ở trên thửa đất đó nữa. Trong thời gian gia đình ông Hoàng Văn H chuyển lên sinh sống tại phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, do ông Hoàng Văn H công tác xa và đi học, ông Hoàng Văn H không quản lý được nên ông Vi Văn V đã tự phá bỏ hàng rào cọc tần làm mốc ranh giới đất trước đây mà không thông báo cho gia đình ông Hoàng Văn H biết để cùng xác định mốc ranh giới, ông Vi Văn V đã xây tường bao và nhà trọ, trong đó có một đoạn tường và góc nhà trọ xây chiếm sang diện tích đất thuộc quyền quản lý của gia đình ông Hoàng Văn H.

Nay ông Hoàng Văn H khởi kiện yêu cầu ông Vi Văn V phải tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình xây dựng lấn chiếm để trả lại diện tích đất đã xây dựng lấn chiếm.

Theo kết quả đo đạc, thể hiện trên sơ đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 05/7/2021 của Trung tâm công nghệ thông tin Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn, diện tích đất tranh chấp do ông Hoàng Văn H chỉ gồm thửa tạm 343.1, diện tích 3,98m², gồm các đỉnh thửa B1, B2, B3, B2, trên đất có 0,4m² nhà trọ ông V xây dựng năm 2006 thuộc thửa đất 343 của ông H đang quản lý, sử dụng; một phần bức tường xây cùng lưới mắt cáo có độ dài 1,68 m kí hiệu là B3, T1 và một phần diện tích đất 8,08m² thuộc thửa tạm 143b.2, có các đỉnh thửa C1, A4, C2, B3, B4 thuộc thửa đất của ông Vi Văn V quản lý, sử dụng.

Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 30/7/2021 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Hoàng Văn H chỉ khởi kiện yêu cầu ông Vi Văn V phải trả lại ông Hoàng Văn H 3,98m² đất tranh chấp, buộc ông Vi Văn V phải tháo dỡ, di dời đoạn tường bao và góc nhà trọ đã xây dựng sang diện tích đất thuộc quyền quản lý của gia đình ông và xin rút yêu cầu đối với 1 phần thửa đất số 143b.2 diện tích 8,08m² của ông Vi Văn V. Đối với các phần đất khác nằm ngoài diện tích đất tranh chấp trên thì ông Hoàng Văn H không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Vi Văn V trình bày: Về diện tích 3,98 m² đất mà ông Hoàng Văn H khởi kiện thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông Vi Văn V là 01 phần thuộc diện tích 785m² của thửa đất số 143b, tờ bản đồ số 69 xã M tọa lạc tại thôn M, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 19-5-2000 Ủy ban nhân dân thị xã Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000823 QSDĐ/112/2000/QĐ-UB cho hộ ông Vi Văn V.

Nguồn gốc đất là do ông cha ông Vi Văn V để lại, năm 1986 gia đình ông Vi Văn V làm nhà trên diện tích đất này và ông Vi Văn V tự khai phá thêm một phần đất là đất núi đá. Năm 1993, ông Vi Văn V được cấp sổ bìa xanh. Năm 2000, ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Vi Văn V quản lý, sử dụng đất từ đó cho đến nay không có tranh chấp.

Năm 2009, ông Hoàng Văn H được chị dâu là Chu Thị T chia đất cho và được cấp sổ đỏ vào cùng năm đó. Ông Hoàng Văn H cho rằng, ông Vi Văn V xây phòng trọ, tường rào lấn sang đất nhà ông Hoàng Văn H với diện tích 3,98 m² nên ông Hoàng Văn H khởi kiện ông Vi Văn V. Năm 2005 - 2006, gia đình ông Vi Văn V đã xây tường rào và nhà trọ, thời điểm đó anh trai của ông Hoàng Văn H là ông Hoàng Phan S vẫn còn sống, có được chứng kiến việc xây nhà trọ của ông Vi Văn V, nhưng không có ý kiến và tranh chấp gì đối với ông Vi Văn V.

Về phần giáp ranh thửa đất của ông Vi Văn V và ông Hoàng Văn H có 03 gốc cây xoan đã bị chặt nay còn lại gốc cây đường kính gốc to nhất là khoảng 40cm. Các gốc cây xoan này trước đây là của bố ông Hoàng Văn H trồng từ khoảng năm 1988 để làm ranh giới giữa 02 thửa đất hiện nay, nên ông Vi Văn V vẫn sử dụng phần đất bên gốc xoan theo các bên gia đình thỏa thuận và phân chia ranh giới từ thời cha ông đã xác định và không lấn chiếm sang đất nhà ông Hoàng Văn H, do sơ đồ thửa đất ông Hoàng Văn H được cấp vẽ sai nên mới xảy ra tranh chấp. Hàng tường rào cây xoan này do bố đẻ của ông Hoàng Phan S trồng vào khoảng năm 1986 - 1987. Tường rào cây xoan vẫn còn 01 đoạn, gốc cây xoan vẫn có 02 gốc to đã cắt và 04 - 05 gốc mục. Gốc cây xoan bị thối, ông Hoàng Văn H lấy máy về cắt thành một hố to bây giờ vẫn còn cái hố này vào năm bao nhiêu ông Vi Văn V không nhớ chính xác.

Về tài sản trên đất tranh chấp: Có 01 bức tường rào xây gạch chỉ và lưới sắt mắc cáo do ông Vi Văn V xây vào khoảng năm 2005 - 2006. Có 01 góc của ngôi nhà trọ cấp 4, do ông Vy Văn V xây năm 2005 - 2006.

Gia đình ông Vi Văn V quản lý, sử dụng đất và xây các công trình trên đất từ năm 2005 - 2006 đến nay không có ai đến tranh chấp. Do vậy ông Vi Văn V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H đòi lại diện tích đất tranh chấp 3,98 m², đồng thời đề nghị hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Hoàng Văn H chồng lên một phần đất của gia đình ông. Ngoài ra ông Vi Văn V không yêu cầu giải quyết diện tích đất nào khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Bà Chu Thị T có ý kiến: Bà là vợ của ông Hoàng Phan S (đã chết năm 2006). Bà Chu Thị T nhất trí với lời trình bày của ông Hoàng Văn H về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất của gia đình, bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H, yêu cầu ông Vi Văn V trả lại đất tranh chấp và di dời toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp. Bà khẳng định ông Vi Văn V xây nhà trọ đang tranh chấp năm 2012, còn nhà trọ ông Vi Văn V xây năm 2005 là nhà trọ phía dưới, không có tranh chấp. Phần đất tranh chấp không phải núi đá, khi bà về làm dâu từ năm 1993 vẫn trồng rau để nuôi lợn.

- Bà Hoàng Thị Quỳnh M trình bày: Bà nhất trí với ý kiến của chồng bà là ông Hoàng Văn H, không có ý kiến khác. Khi gia đình bà xây nhà ở đó thì đất đó vẫn là đất vườn đồi, phía bên trên là đất, có đá nằm phía dưới lớp đất dày phía trên, bà vẫn trồng cây trên đó, như na, ổi, hồng. Đến khoảng năm 2010 – 2011, gia đình bà chuyển đi thì mới cào phần đất phía trên xuống nên mới có đá như hiện nay. Theo bà đây là đất vườn đồi không phải là núi đá.

- Ông Vũ Hoàng D là đại diện UBND thành phố L trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn H là đúng quy định pháp luật theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặc dù chữ ký trong biên bản xác định mốc giới khu đất được lập không đúng trình tự thủ tục nhưng việc cấp đất không sai về bản chất nên không nhất trí với yêu cầu hủy 1 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn.

- Bà Nguyễn Thị M đại diện Ủy ban nhân dân xã M có ý kiến: Qua kiểm tra hồ sơ địa chính ở xã thì thửa đất 115, tờ bản đồ số 69, bản đồ địa chính xã M, thành phố L là đất thổ cư, không phải núi đá.

- Bà Đinh Thị N, anh Vi Văn T, chị Vy Thị L, chị Vi Thị Y có ý kiến: Nhất trí với ý kiến của ông Vi Văn V, đất tranh chấp là của gia đình ông Vi Văn V.

- Chị Hoàng Thị Bích H có ý kiến: Cái bể nước là do chị xây, chị và ông Hoàng Văn H không có tranh chấp, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết cái bể nước này.

Người làm chứng: Ông Hoàng Văn C, khẳng định đã được xây cho ông Vi Văn V nhà trọ có vị trí gần chuồng lợn, gần nhà chính của ông Vi Văn V, giáp đất của ông Hoàng Văn H (không giáp nhà bà Lê Bích N) xây năm 2006, khi xây nhà trọ thì thấy anh Hoàng Phan S (anh trai ông Hoàng Văn H) còn phá đá bên cạnh để lấy mặt bằng, anh Hoàng Phan S và những người khác trong gia đình ông Hoàng Văn H đều biết anh xây nhà trọ cho ông Vi Văn V cũng không thắc mắc gì cả, không ai có ý kiến tranh chấp đất đai gì cả. Lúc xây nhà trọ, anh không thấy chị Chu Thị T có ý kiến gì cả, bây giờ mới phát sinh tranh chấp thôi.

Chị Nguyễn Ngọc H trình bày: Biên bản xác định ranh giới, mốc giới ngày 23-10-2008 là do chị viết tuy nhiên chữ ký, chữ viết trong mục các chủ sử dụng đất liên kê thì chị đưa cho ông Hoàng Văn H đi lấy chữ ký của các chủ sử dụng đất giáp ranh, chị không biết ai đã viết chữ Vi Văn V vào biên bản này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 158; 164; 165; khoản 1 Điều 166 và Điều 174; 175; 176 của Bộ luật Dân sự; các điều 48, 49, 50, 52, 105, 123 Luật Đất đai 2003; Điều 203 của Luật Đất đai 2013; khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 4 Điều 157; khoản 1, 3 Điều 161, khoản 1, 4 Điều 165; 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quyền sử dụng đất

1.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H: Ông Hoàng Văn H được quyền quản lý, sử dụng 3,58 m² đất (kí hiệu thửa tạm 343.1.1, vị trí đỉnh thửa B1, B2, B3, H2, T1, H1, C2) thuộc 1 phần thửa đất số 343, tờ bản đồ số 69, bản đồ địa chính xã M, thành phố L, tại thôn M, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03288 ngày 14/5/2009 cho ông Hoàng Văn H

1.2 Ông Vi Văn V (Vy Văn V) được quyền quản lý sử dụng 0,4 m² đất (kí hiệu thửa tạm 343.1.2, vị trí đỉnh thửa T1, H1, H2) thuộc 1 phần thửa đất số 343, tờ bản đồ số 69, bản đồ địa chính xã M, thành phố L (phần đất có góc nhà trọ mà ông V đã xây năm 2006) tại thôn M, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Ông Vi Văn V có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Văn H giá trị 0,4 m² đất (tương ứng với lỗi của ông Vi Văn V) là 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Ông Vi Văn V có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03288 ngày 14/5/2009 đã cấp cho ông Hoàng Văn H theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

2. Về yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất

2.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H: Buộc ông Vi Văn V và gia đình phải tháo dỡ phần bức tường gạch có lưới mắt cáo dài 1,68 m (kí hiệu B3, T1) xây trên diện tích đất 3,58 m², thuộc 01 phần thửa đất số 343, tờ bản đồ số 69, bản đồ địa chính xã M, thành phố L mà ông Hoàng Văn H được quản lý sử dụng. Gia đình ông Vi Văn V không được đền bù giá trị tài sản và chi phí tháo dỡ, di dời các tài sản trên.

2.2 Ông Vi Văn V và gia đình được quản lý, sử dụng, sở hữu góc nhà trọ ông Vi Văn V xây năm 2006 có diện tích 0,4 m² (vị trí đỉnh thửa T1, H1, H2) trên diện tích đất (kí hiệu thửa tạm 343.1.2) thuộc 1 phần thửa số 343, tờ bản đồ số 69, bản đồ địa chính xã M, thành phố L mà ông Vi Văn V được quyền quản lý, sử dụng.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu giải quyết diện tích 8,08m² đất (kí hiệu thửa tạm 143b.2, vị trí đỉnh thửa C1, A4, C2, B3, B4), trên đất có 1 phần bức tường gạch có lưới mắt cáo dài 2,4m (kí hiệu T2, B3) thuộc thửa đất số

143b, tờ bản đồ 69, tại thôn M, xã M, thành phố L vì ông Hoàng Văn H rút yêu cầu.

(Về vị trí tiếp giáp, hình thể thửa đất, tài sản trên đất, kích thước các cạnh của khu đất, tài sản trên đất có trong phụ lục do trung tâm công nghệ thông tin sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn cung cấp kèm theo bản án).

4. Không chấp nhận yêu cầu hủy 1 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03288 ngày 14/5/2009 đối với diện tích đất có tranh chấp 3,98m² đã được UBND thành phố Lạng Sơn cấp cho ông Hoàng Văn H vì không đủ căn cứ và không cần thiết. Kiến nghị UBND thành phố L, ông Hoàng Văn H kiểm tra, hoàn thiện các thủ tục còn thiếu, có sai phạm trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Buộc gia đình ông Vy Văn V, ông Hoàng Văn H phải chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất và tài sản trên đất mà ông Hoàng Văn H, ông Vi Văn V được quản lý sử dụng, sở hữu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn Quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật quy định ngày 13/10/2021 ông Vi Văn V nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy Bản án sơ thẩm, xem xét việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03288 ngày 14/5/2009 của ông Hoàng Văn H theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Vi Văn V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét nội dung kháng cáo, căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được hỏi, làm rõ tại phiên tòa, xác định được đất tranh chấp có diện tích là 3,98 m² thuộc một phần thửa số 343 tờ bản đồ số 69 bản đồ địa chính xã M, tại thôn M, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, đã được cấp GCNQSDĐ số H-03288 ngày 14/5/2009 cho ông Hoàng Văn H. Trên đất có bức tường gạch có lưới mắt cáo dài 1,68m trên phần diện tích 3,58m²; 1 góc nhà trọ trên phần diện tích 0,4m².

Về nguồn gốc đất: Là của bố mẹ ông Hoàng Văn H xin UBND xã M, theo bản đồ địa chính thuộc thửa 115 tờ bản đồ số 69 có diện tích 1.069m². Năm

2000 ông Hoàng Phan S anh trai ông Hoàng Văn H được cấp GCNQSDĐ thửa 115a với diện tích 400m² tách từ thửa 115, phần diện tích còn lại chưa được cấp giấy. Sau khi ông Sơn chết, năm 2009 bà Chu Thị T vợ ông Sơn tách phần đất còn lại thành thửa 342 diện tích 460m² đứng tên bà Tuyết đã được cấp GCNQSDĐ; thửa 343 diện tích 204m² do ông Hoàng Văn H đứng tên được cấp GCNQSDĐ.

Quá trình quản lý, sử dụng: Phần đất tranh chấp thuộc thửa 343 giáp ranh thửa 143b diện tích 785 m² được tách từ thửa 143 của ông Vi Văn V được cấp GCNQSDĐ năm 2000. Ông H cho rằng năm 2003 ông xây nhà trên đất, đến năm 2008-2009 kê khai và được cấp GCNQSDĐ, còn ông V cho rằng năm 2000 ông được cấp GCNQSDĐ, năm 2006 ông xây nhà trọ, tường rào trên vị trí đất tranh chấp. Lời khai của ông H và ông V về thời gian xây dựng công trình trên đất là khác nhau nhưng quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, anh Cương người trực tiếp xây công trình cho ông V khẳng định công trình gia đình ông V xây khoảng năm 2005-2006, phù hợp với lời khai của ông V xây công trình năm 2006. Tại phần nhận định [8] bản án sơ thẩm cũng xác định ông V xây tường rào năm 2005, xây nhà trọ năm 2006. Như vậy, khi gia đình ông H kê khai cấp GCNQSDĐ lần đầu năm 2008-2009 trên đất đã có công trình của gia đình ông V nhưng chưa được cơ quan thực hiện thủ tục cấp GCNQSDĐ xác minh làm rõ, đã cấp GCNQSDĐ cho ông V là không đúng đối tượng sử dụng đất, đồng thời về hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông H không đúng về trình tự thủ tục, không đảm bảo quy định pháp luật nên có căn cứ để hủy GCNQSDĐ và chuyển thẩm quyền cho Tòa án cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là vi phạm thẩm quyền. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên “Không chấp nhận yêu cầu hủy GCNQSDĐ là đã xem xét giải quyết đối với yêu cầu hủy GCNQSDĐ nên cũng vi phạm thẩm quyền.

Đối với kháng cáo về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Chi phí trưng cầu giám định ranh giới, chôn ghép bản đồ, giám định thủ tục cấp GCNQSDĐ buộc bị đơn phải chịu là có cơ sở. Tuy nhiên, về chi phí thẩm định, định giá là 30.518.000 đồng, phần diện tích đất nguyên đơn rút yêu cầu lớn hơn diện tích đất được chấp nhận 3,98m² nhưng nguyên đơn phải chịu 10.704.000 đồng trên tổng số tiền chi phí thẩm định, định giá 30.518.000đ là không đúng quy định Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về chi phí giám định chữ viết là 5.000.000 đồng. Ông V cho rằng chữ viết “Vi Văn V” tại Biên bản xác định ranh giới, mốc giới ngày 23/10/2008 trong Hồ sơ cấp GCNQSDĐ thửa 343 cho ông H là không phải chữ viết của ông. Kết luận giám định chứng minh không phải chữ viết của ông V nên ông V không phải chịu chi phí theo quy định Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự, cấp sơ thẩm buộc ông V phải chịu là không đúng.

Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 xử chấp nhận kháng cáo của ông V xử hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Những người trên đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, trong hồ sơ đã có lời khai, ý kiến của những người trên, tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn đều nhất trí đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Vi Văn V yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử, nhận thấy: Theo kết quả trích đo của Trung tâm Công nghệ Thông tin Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn và Kết luận giám định tư pháp do Giám định viên Hoàng Văn T thực hiện giám định diện tích đất tranh chấp 12,06m² ngày 10/8/2021 (bút lục 607 đến 609), kết luận: *Đất tranh chấp là 3,98 m², xác định từ điểm B3 đến các điểm B2, B1, C2 và nối tiếp về B3 thuộc thửa 343.1 thuộc một phần thửa đất 343, tài sản trên đất trên đất có 01 góc nhà trọ diện tích là 0,4m² và 01 bức tường dài 1,68m do ông Vi Văn V xây dựng thuộc quyền quản lý của ông Hoàng Văn H; 8,08m² xác định từ điểm B4 đến các điểm B3, C2, C4, C1 và nối tiếp về B4, tài sản trên đất là 01 phần bức tường dài 2,4m thuộc thửa đất số 143.b2 thuộc quyền quản lý của ông Vi Văn V.*

[3] Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn ông Hoàng Văn H xác định diện tích đất 8,08m² và 01 phần bức tường dài 2,4m, thuộc thửa đất số 143.b2 của ông Vi Văn V nên rút yêu cầu khởi kiện, xét thấy việc rút yêu cầu của ông Hoàng Văn H là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này là có căn cứ.

[4] Đối với diện tích đất 3,98m², thuộc 01 phần thửa đất số 343, tờ bản đồ số 69 bản đồ địa chính xã M, ông Hoàng Văn H cho rằng nguồn gốc đất là của bố mẹ là ông Hoàng Phan D, bà Hoàng Thị N xin Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn năm 1982 để sử dụng, thuộc thửa đất số 115, tổng diện tích 1.064m². Năm 2000 ông Hoàng Phan S (con ông Hoàng Phan D), đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 400m², thửa số 115a; phần còn lại của thửa 115, diện tích 664m² chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng hộ ông Hoàng Phan D vẫn quản lý sử dụng (năm 2006 ông Hoàng Phan S chết). Năm 2009 bà Chu Thị T (vợ ông Sơn) đi đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp 460m², thửa số 342 và hộ ông Hoàng Văn H được cấp 204m², thửa số 343 (trong phần diện tích còn lại 664m² của thửa 115 cũ). Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Hoàng Văn H thấy đất của mình có bờ tường và nhà ông Vi Văn V xây lấn chiếm sang nên khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất. Bị đơn ông Vi Văn V cho rằng ranh giới thửa đất được xác định bằng hàng cây xoan mà bố ông Hoàng Văn H trồng; ông Hoàng Văn H thừa nhận các cây xoan trên đất là của bố ông Hoàng Văn H trồng, còn ranh giới thửa đất là hàng rào bằng cây cúc tần hiện tại không còn, do ông Vi Văn V chặt đi để xây lấn đất.

Ngoài lời khai của các đương sự ra không có tài liệu, chứng cứ khẳng định ranh giới thửa đất giữa 2 nhà là hàng rào cây xoan hay hàng rào cục tần. Mặt khác, theo lời khai những người làm chứng, kết quả giám định bản đồ xác định ông Vi Văn V xây tường năm 2005 và xây nhà trọ vào năm 2006 là trước thời điểm ông Hoàng Văn H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên phần ranh giới thửa đất gia đình ông Hoàng Phan D được giao quản lý sử dụng đất năm 1982 và năm 1997 Nhà nước đã đo vẽ và lập bản đồ thửa đất các bên đương sự không có tranh chấp nên mặc nhiên thừa nhận ranh giới theo bản đồ năm 1997. Năm 2000 ông Vi Văn V đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 143, năm 2005 ông Vi Văn V xây tường rào và năm 2006, xây nhà trọ lấn sang một phần thửa đất số 115 đất do bà Chu Thị T (vợ ông Hoàng Phan S) quản lý, khi đó ông S còn sống không có ý kiến gì nên xác định ông Vi Văn V và ông Hoàng Phan S đều có lỗi trong việc để ông Vi Văn V xây nhà trọ và tường bao.

[5] Căn cứ kết luận giám định số 366/KLGD-PC09 ngày 20/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn: *Kết luận chữ viết Vi Văn V trên bản xác định ranh giới, mốc giới tại mục các chủ sử dụng đất liền kề không phải do ông Vi Văn V viết.* (bút lục 585)

[6] Theo kết luận giám định tư pháp theo vụ việc do Giám định viên Nông Quốc H thực hiện giám định Hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông Hoàng Văn H ngày 26/8/2021 kết luận tại tiêu mục 7.1 mục 7: *"Như vậy: Việc cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất 343, tờ bản đồ 69, thôn M, xã M, thành phố L cho ông Hoàng Văn H là đúng quy định về thẩm quyền, nhưng chưa đảm bảo quy định của pháp luật về đối tượng và mục đích sử dụng đất...";* tại tiêu mục 7.2: *"Việc cấp GCNQSDĐ đối với phần diện tích đất có tranh chấp thuộc một phần thửa đất, 343 tờ bản đồ 69, thôn M, xã M, thành phố L cho ông Hoàng Văn H. Do hiện nay không có văn bản nào xác định tài sản của ông Vy Văn V được hình thành trước hay sau thời điểm cấp GCNQSDĐ cho ông Hoàng Văn H nên không có cơ sở để kết luận nội dung này. Tuy nhiên với việc cấp GCNQSDĐ đối với thửa 343, tờ bản đồ 69, thôn M, xã M, thành phố L cho ông Hoàng Văn H chưa đảm bảo quy định của pháp luật về đối tượng, mục đích sử dụng đất thể hiện trên hồ sơ tại thời điểm cấp GCNQSDĐ nên cần xem xét hủy bỏ GCNQSDĐ đã cấp cho ông Hoàng Văn H để thực hiện lại quy trình cấp GCNQSDĐ đảm bảo đúng đối tượng, mục đích sử dụng đất".*(bút lục 588-591)

[7] Theo kết luận giám định tư pháp theo vụ việc do Giám định viên Hoàng Văn T thực hiện giám định bản đồ xác định đất tranh chấp, căn cứ kết quả trưng cầu giám định tư pháp ngày 10/8/2021 (bút lục 607-609): *Kết luận diện tích đất tranh chấp 3,98m² xác định từ điểm B3 đến các điểm B2, B1, C2 và nối tiếp về B3 thuộc thửa 343.1 thuộc một phần thửa đất 343, tài sản trên đất trên đất có 01 góc nhà trọ diện tích là 0,4m² do ông Vi Văn V xây dựng thuộc quyền quản lý của ông Hoàng Văn H.*

[8] Theo kết quả giám định xác định diện tích đất tranh chấp là 3,98 m², thuộc một phần thửa đất 343 thuộc quyền quản lý của ông Hoàng Văn H đã bị

gia đình ông Vi Văn V xây dựng tường rào lấn chiếm năm 2005 và một góc nhà trọ xây dựng năm 2006. Do vậy ông Hoàng Văn H khởi kiện yêu cầu buộc ông Vi Văn V phải tháo dỡ, di dời tài sản đi nơi khác trả lại diện tích đất lấn chiếm cho gia đình ông Hoàng Văn H quản lý, sử dụng là có căn cứ. Tuy nhiên, đối với yêu cầu buộc tháo dỡ góc nhà trọ, diện tích đất không lớn chỉ $0,4\text{ m}^2$, việc phá dỡ mất nhiều chi phí, sẽ ảnh hưởng đến kết cấu công năng sử dụng của nhà trọ, mặt khác trước đó các đương sự đều có lỗi trong việc xây dựng nhà trọ và kê khai dẫn đặc khi đo đạc lại bản đồ 1997. Do vậy, để đảm bảo kết cấu, công năng, giá trị sử dụng của ngôi nhà trọ Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết giao phần đất có góc nhà trọ diện tích là $0,4\text{ m}^2$ cho ông Vi Văn V quản lý sử dụng, ông Vi Văn V có nghĩa vụ phải trả ông Hoàng Văn H số tiền 4.000.000 đồng tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất $0,4\text{ m}^2$ là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với bức tường rào có lưới mắt cáo ông Vi Văn V xây dựng năm 2005 trên đất tranh chấp đã hết khấu hao, buộc ông Vi Văn V phải tự tháo dỡ để trả đất cho ông Hoàng Văn H.

[9] Đối với yêu cầu hủy 01 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03288 ngày 14/5/2009 do UBND thành phố L cấp cho ông Hoàng Văn H, Hội đồng xét xử, xét thấy: Diện tích đất tranh chấp nhỏ $3,98\text{ m}^2$, quá trình lập và thực hiện đo đạc bản đồ năm 1997, cũng như việc dẫn đặc của các đương sự có lỗi dẫn đến việc để ông Vi Văn V xây dựng lấn chiếm diện tích $3,98\text{ m}^2$ nếu có hủy một phần GCNQSDĐ đối với diện tích đất $3,98\text{ m}^2$, cơ quan có thẩm quyền giao đất vẫn phải xem xét cấp cho gia đình ông Hoàng Văn H nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ của ông Vi Văn V tức là không xem xét yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ của ông Vi Văn V là đúng, vì theo quy định của khoản 1 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Khi giải quyết vụ việc dân sự Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức người có thẩm quyền xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết"*.

[10] Về chi phí tố tụng gồm: Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản chi phí đo đạc 03 lần chi hết số tiền 30.518.000 đồng; chi phí trưng cầu giám định ranh giới, chồng ghép bản đồ, giám định chữ viết, giám định thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 12.300.000 đồng. Tổng cộng chi phí tố tụng là 42.818.000 đồng. Quá trình thụ lý, giải quyết tại cấp sơ thẩm do ông Hoàng Văn H rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất tranh chấp là $8,08\text{ m}^2$, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Hoàng Văn H phải chịu 01 phần chi phí tố tụng là 10.704.000 đồng; đối với phần diện tích đất tranh chấp còn lại $3,98\text{ m}^2$ được Tòa án sơ thẩm chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H nhưng buộc bị đơn ông Vi Văn V phải chịu chi phí tố tụng là 32.114.000 đồng là chưa phù hợp với quy định của pháp luật cần phải sửa phần chi phí tố tụng, cụ thể:

[11] Tổng diện tích đất tranh chấp do nguyên đơn chỉ là $8,08\text{ m}^2 + 3,98\text{ m}^2 = 12,06\text{ m}^2$. Do ông Hoàng Văn H rút yêu cầu $8,08\text{ m}^2$ nên tự phải chịu chi phí tố tụng đối với phần diện tích đất đã rút yêu cầu khởi kiện là $8,08\text{ m}^2$; đối với chi

phí cho việc giám định chữ ký để xác định danh giới, mốc giới thửa đất số tiền 5.000.000 đồng, theo kết quả giám định chữ ký không phải của ông Vi Văn V nên nguyên đơn ông Hoàng Văn H phải chịu 5.000.000 đồng, số tiền còn lại chi phí tố tụng là $37.818.000 : 12,06m^2 = 3.135.821$ đồng/ $01m^2$. Do ông Hoàng Văn H rút yêu cầu khởi kiện $8,08m^2$ nên tự phải chịu $8,08m^2 \times 3.135.821$ đồng = 25.337.433 đồng và 5.000.000 đồng chi phí giám định chữ ký, tổng công là 30.337.433 đồng; phần diện tích đất còn lại $3,98m^2$, yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H được chấp nhận nên ông Vi Văn V phải chịu chi phí tố tụng là $3,98m^2 \times 3.135.821$ đồng = 12.480.567 đồng. Do ông Hoàng Văn H đã tạm ứng trước số tiền chi phí tố tụng là 27.818.000 đồng; ông Vi Văn V đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 15.000.000 đồng. Buộc ông Hoàng Văn H phải trả cho ông Vi Văn V là 2.519.433 đồng.

[12] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Vi Văn V kháng cáo không phải chịu tiền án phí phúc thẩm; hoàn trả lại cho ông Vi Văn V số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000646 ngày 21/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

[13] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[14] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn những nội dung phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử được chấp nhận, những nội dung không phù hợp không được chấp nhận.

[15] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa không phù hợp với ý kiến của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Vi Văn V; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể:

Căn cứ vào các Điều 158; 164; 165; khoản 1 Điều 166 và Điều 174; 175; 176; 357, 468 của Bộ luật Dân sự; các điều 48,49, 50,52,105,123 Luật Đất đai 2003; Điều 203 của Luật Đất đai 2013; khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; 148; khoản 1,4 Điều 157; khoản 1, 3 điều 161, khoản 1, 4 điều 165; 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27; 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quyền sử dụng đất

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H: Ông Hoàng Văn H được quyền quản lý, sử dụng 3,58m² đất (kí hiệu thửa tạm 343.1.1, vị trí đỉnh thửa B1, B2, B3, H2, T1, H1, C2) thuộc 1 phần thửa đất số 343, tờ bản đồ số 69, bản đồ địa chính xã M, thành phố L; địa chỉ: Thôn M, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03288 ngày 14/5/2009 cho ông Hoàng Văn H.

2. Ông Vi Văn V (Vy Văn V) được quyền quản lý sử dụng 0,4m² đất (kí hiệu thửa tạm 343.1.2, vị trí đỉnh thửa T1, H1, H2) thuộc 1 phần thửa đất số 343, tờ bản đồ số 69, bản đồ địa chính xã M, thành phố L; tài sản trên đất có góc nhà trọ do ông Vi Văn V xây năm 2006; địa chỉ: Thôn M, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

3. Buộc ông Vi Văn V và gia đình phải tự tháo dỡ phần bức tường gạch có lưới mắt cáo dài 1,68m (kí hiệu B3, T1) xây trên diện tích đất 3,58m², thuộc một phần thửa đất số 343, tờ bản đồ số 69, bản đồ địa chính xã M, thành phố L để trả lại cho ông Hoàng Văn H được quản lý sử dụng và có nghĩa vụ phải trả cho ông Hoàng Văn H số tiền là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), tương ứng với giá trị 0,4m² đất được quản lý, sử dụng.

4. Buộc nguyên đơn ông Hoàng Văn H, bị đơn ông Vi Văn V và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn và bị đơn phải chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên và có nghĩa vụ đăng ký kê khai quyền của người sử dụng đất với cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp.

5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu giải quyết diện tích 8,08m² đất (kí hiệu thửa tạm 143.b2, vị trí đỉnh thửa C1, A4, C2, B3, B4), trên đất có 1 phần bức tường gạch có lưới mắt cáo dài 2,4m (kí hiệu T2, B3) thuộc thửa đất số 143b, tờ bản đồ 69, tại thôn M, xã M, thành phố L do ông Hoàng Văn H rút yêu cầu.

(Về vị trí tiếp giáp, hình thể thửa đất, tài sản trên đất, kích thước các cạnh của khu đất, tài sản trên đất có trong phụ lục do Trung tâm Công nghệ thông tin Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cung cấp kèm theo bản án).

6. Về chi phí tố tụng: Ông Hoàng Văn H phải chịu 30.337.433 đồng (ba mươi triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng); ông Vi Văn V phải chịu là 12.480.567 đồng (mười hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn năm trăm sáu mươi bảy đồng). Do ông Hoàng Văn H đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 27.818.000 đồng; ông Vi Văn V đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 15.000.000 đồng để chi trước. Buộc ông Hoàng Văn H có nghĩa vụ phải trả lại cho ông Vi Văn V số tiền 2.519.433 đồng (hai triệu năm trăm mười chín nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

7. Về án phí:

7.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vi Văn V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho ông Hoàng Văn H 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2015/0002216 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

7.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vi Văn V không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả ông Vi Văn V số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0002216 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP L;
- Chi cục THADS TP L;
- Các đương sự; người BVQ&LIHP của DS;
- Tổ HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Châm

